

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 477/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 23/02/2022  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Hiền Lũy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Bùi Thị Phụng
- Bà Phạm Thị Thu Thủy

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23/02/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 512/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: số nhà 189/3 đường Q, Khu phố Y, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Bị đơn:*** Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số nhà 189/3 đường Q, Khu phố Y, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2021 và lời trình bày của bà Nguyễn Thị H:

Bà và ông Phạm Hồng T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 24/5/2004. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc do ông T không quan tâm chia sẻ tình cảm đối

với bà. Bà đã cố gắng nhẫn nhịn, dung hòa nhưng ông T không có thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình. Thời gian vợ chồng ly thân đã năm năm, bản thân ông T không thay đổi nên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Đến nay bà không còn tình cảm yêu thương ông T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Phạm Hồng T.

Về con chung: có hai con chung tên Phạm Hồng Khánh C, sinh ngày 25/12/2004 và Phạm Hồng Q, sinh ngày 20/11/2009. Ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 01 năm 2022 và lời trình bày ông Phạm Hồng T:

Về thời gian kết hôn đúng như bà H trình bày. Theo ông cuộc sống vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn. Thời gian gần đây dịch bệnh ảnh hưởng đến công việc, ông gặp khó khăn về việc làm và thu nhập nên vợ chồng mâu thuẫn. Gần một năm qua bà H thường bỏ nhà đi đâu ông không biết, một tháng chỉ về nhà vài lần. Lúc bà H vắng nhà ông vẫn có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng hai con. Mặc dù vợ chồng đã ly thân thời gian dài nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà H nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đúng như bà H trình bày, nếu ly hôn ông yêu cầu trực tiếp nuôi các con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Phạm Hồng T; yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con 10.000.000 đồng/tháng. Ông T không đồng ý với các yêu cầu của bà H. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Phạm Hồng T. Giao hai con Phạm Hồng Khánh C, sinh ngày 25/12/2004 và Phạm Hồng Q, sinh ngày 20/11/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn, tranh chấp người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng” được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: xét, bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Hồng T có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 24/5/2004 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã xảy ra những mâu thuẫn do ông T thiếu sự quan tâm và trách nhiệm đối với bà H trong thời gian dài. Đến nay ông T mong muốn đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không được bà H ghi nhận, bà H xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương lẫn nhau. Ông T trình bày mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng trong thời gian qua vẫn giữ thái độ xa lánh không tạo được niềm tin đối với bà H, không đến Tòa án để tham gia các buổi hoà giải, không thể hiện được thiện chí. Do đó yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của bà H, ông T phù hợp với bản sao giấy khai sinh số 17 ngày 04/02/2005 và số 05 ngày 04/01/2010 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi cấp, đủ căn cứ xác định bà H và ông T có hai người con chung. Bà H và ông T cùng có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con.

Xét, việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Hiện tại các con đang sống chung cùng ông T, bà H nhưng các con đã có lời khai thể hiện mong muốn sống chung với mẹ. Bà H và ông T xác nhận từ trước đến nay bà H chăm sóc các con tốt. Tuy nhiên trong một năm qua bà H thường xuyên vắng nhà nên ông T là người có thời gian chăm sóc các con nhiều hơn. Việc bà H vắng nhà là do tính chất công việc phải làm thêm giờ, mặt khác hiện tại các con đã đủ tuổi để chủ động, tự lập trong sinh hoạt cá nhân. Bản thân bà H xác nhận đảm bảo được việc sắp xếp thời gian, công việc để chăm sóc các con tốt nên cần giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: ông T không đồng ý với mức cấp dưỡng bà H yêu cầu nên cần xét buộc ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 2.500.000 đồng là phù hợp, đảm bảo việc nuôi dưỡng, học tập của con trong điều kiện hiện nay và khả năng thu nhập của ông T.

Tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: bà H, ông T xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: bà H, ông T phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H;

Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Phạm Hồng T.

2. Con chung: Giao hai con Phạm Hồng Khánh C, sinh ngày 25/12/2004 và Phạm Hồng Q, sinh ngày 20/11/2009 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Phạm Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 2.500.000 đồng, thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành.

Ông Phạm Hồng T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Hồng T không thi hành án cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0058747 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

Ông Phạm Hồng T phải chịu án phí đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- CCTHADS TP.Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND xã Đ...;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Cao Thị Hiền Lữ**